

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất

Ngày 30/06/2025	43,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.4%	14.4%	23.6%

DT thuần Q2/25
770
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.00 0.8%
YoY: ▲ 116 17.8%

LN thuần Q2/25
132
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.00 -3.5%
YoY: ▲ 50.4 62.1%

LN sau thuế Q2/25
108
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.00 -4.0%
YoY: ▲ 40.5 60.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
17.7%
YoY: +/-▼ 0.8%

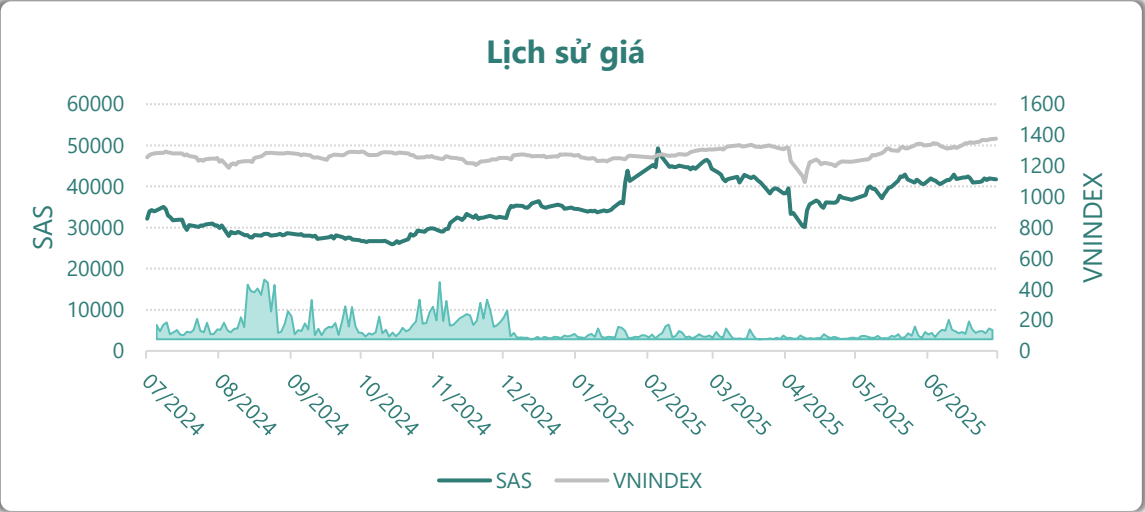
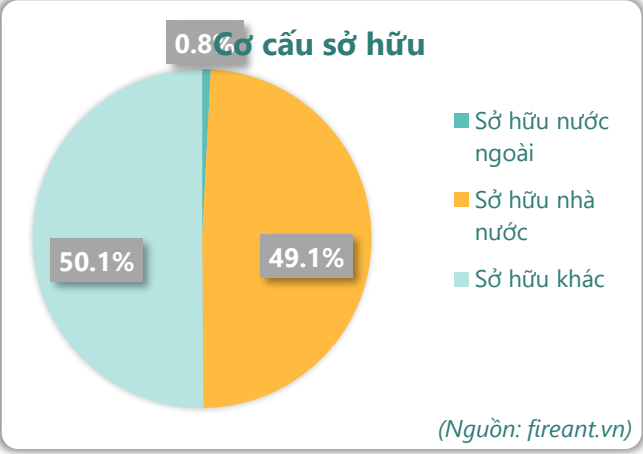
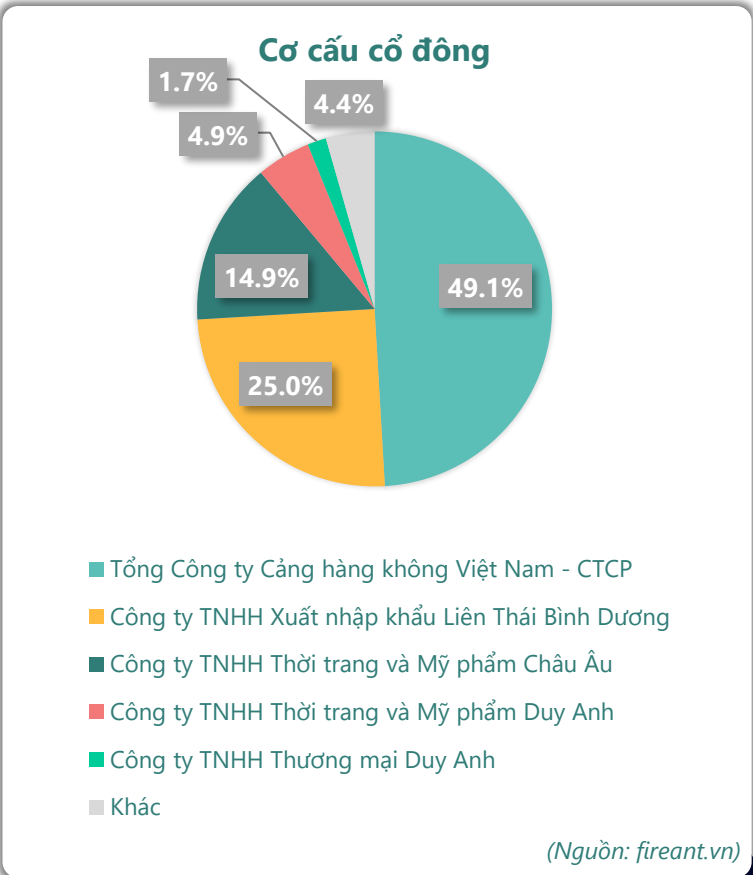
ROE (TTM) Q2/25
32.4%
YoY: +/-▲ 2.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	25,913 - 49,254
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,845
Số lượng CPLH (CP)	133,451,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,050
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	1.41
EPS	4,028
P/E	10.9

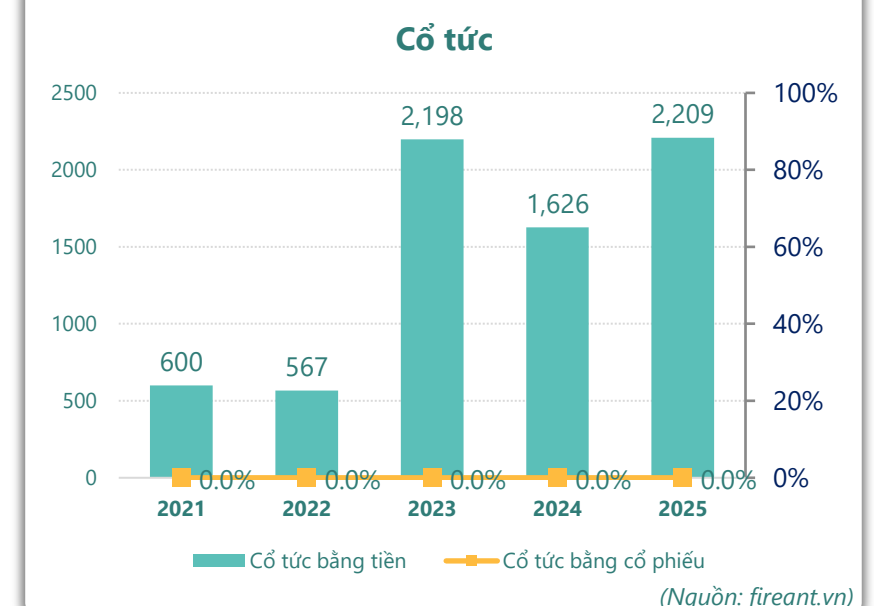
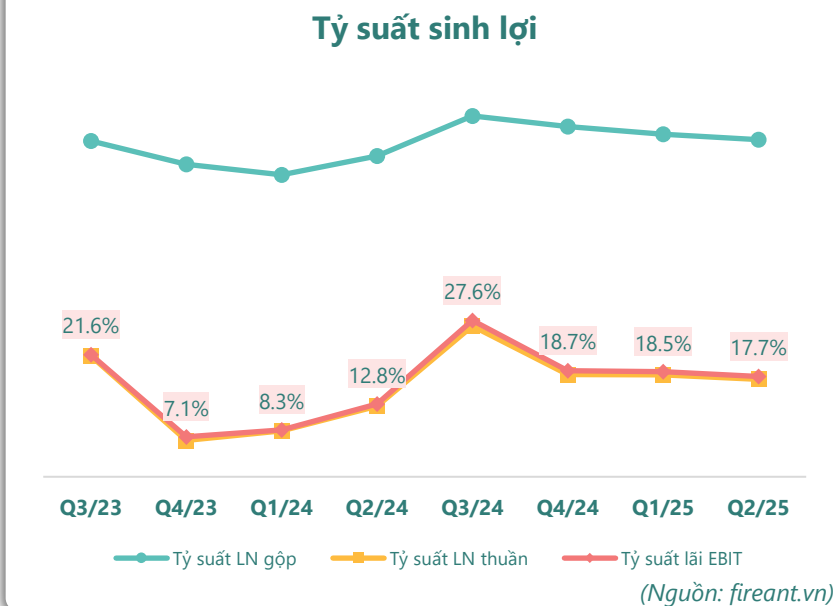
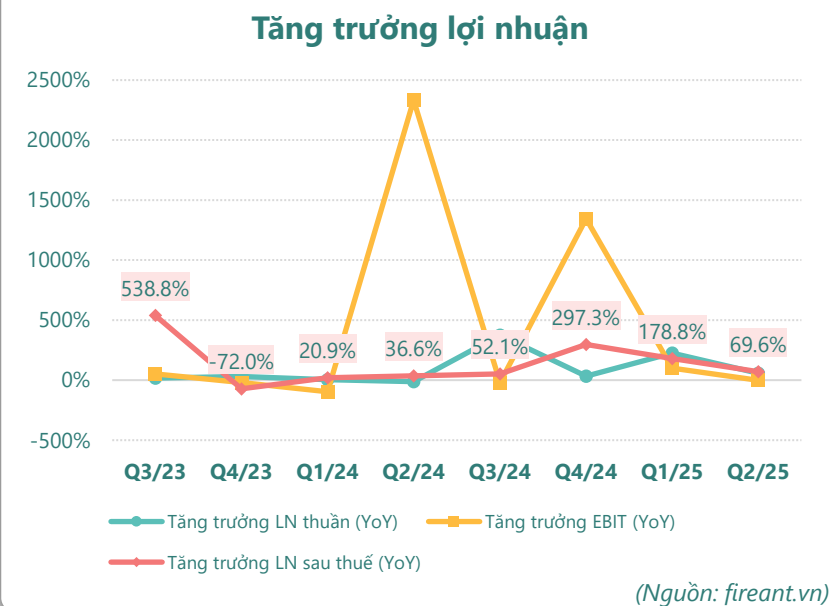
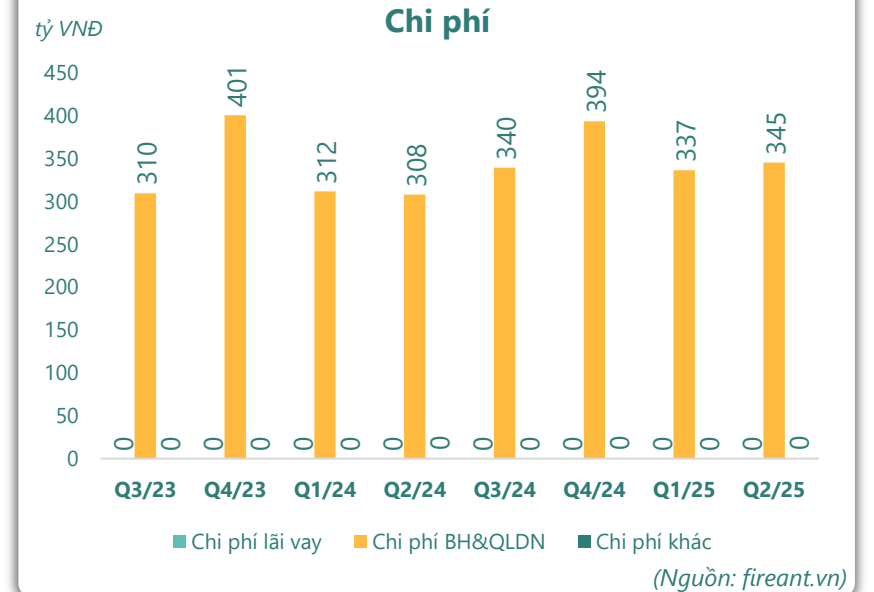
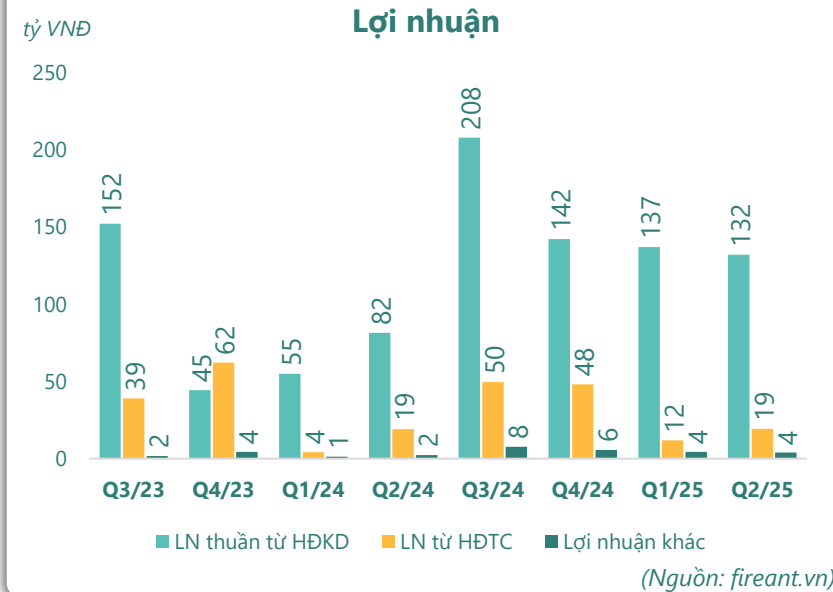
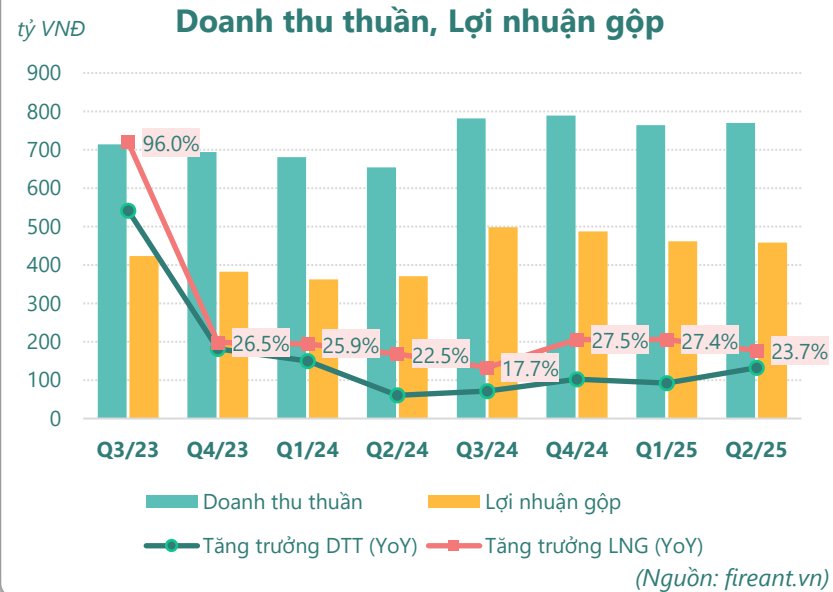
DT thuần 6T 2025
1,534
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 199 14.9%

LN thuần 6T 2025
269
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 132 97.4%

LN sau thuế 6T 2025
221
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 107 94.9%



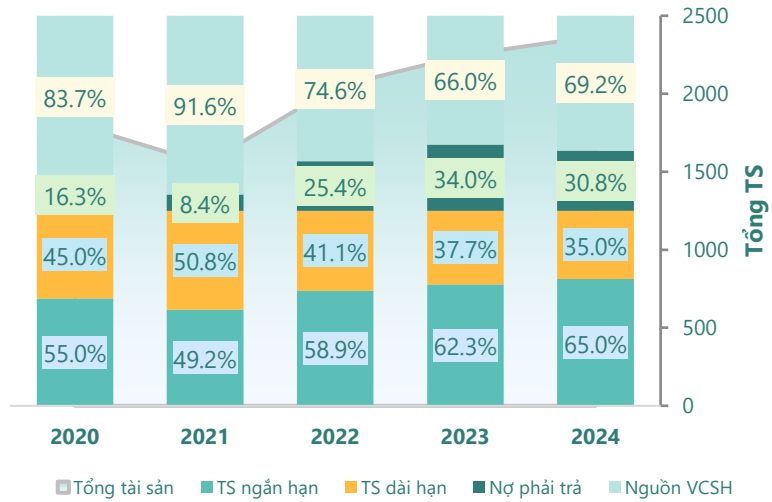
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

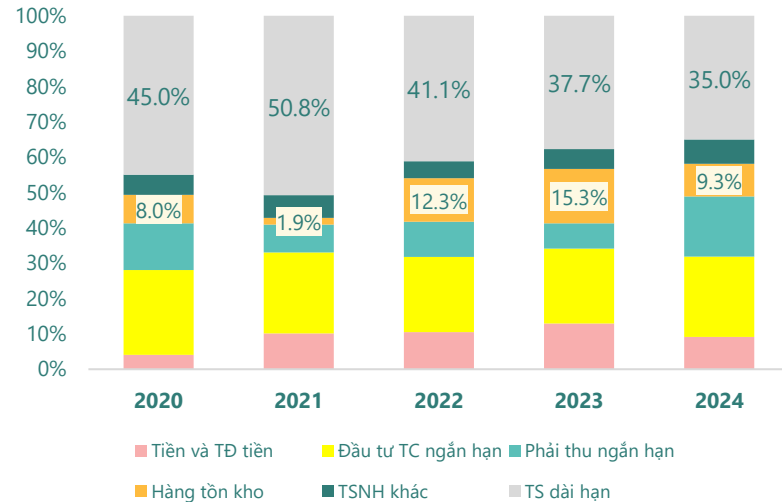
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

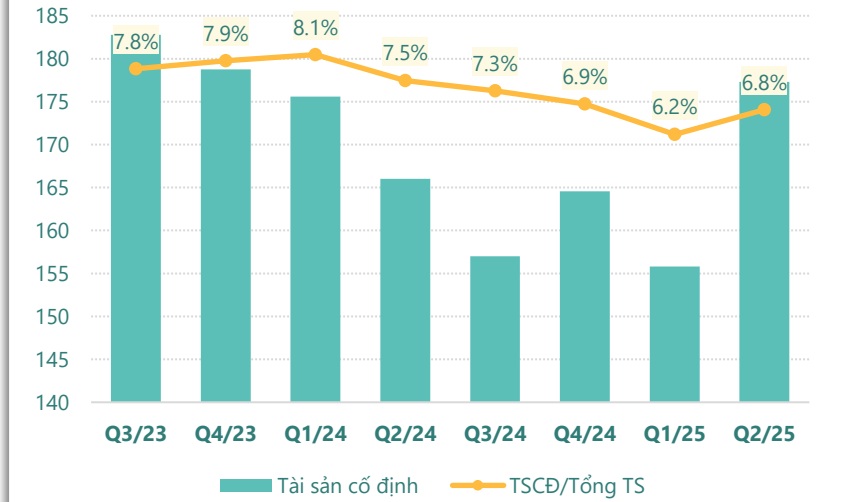
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

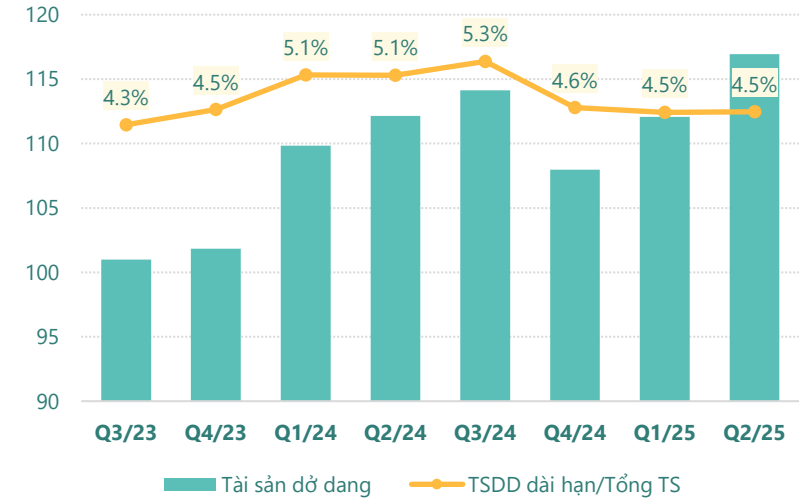
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

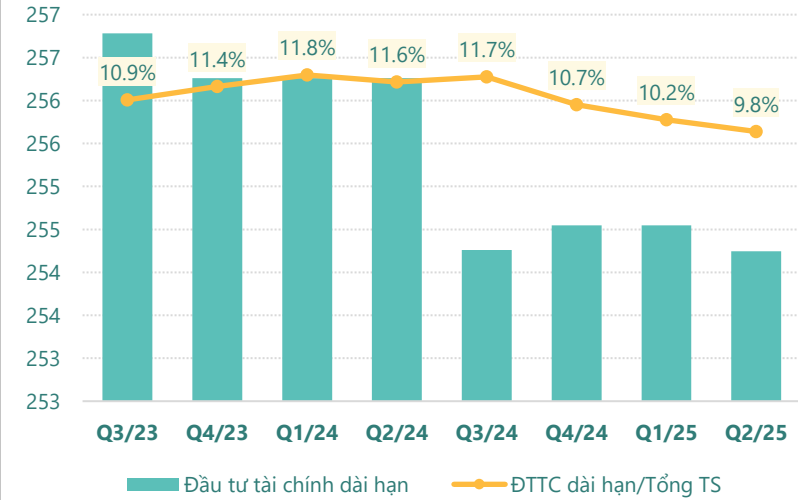
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

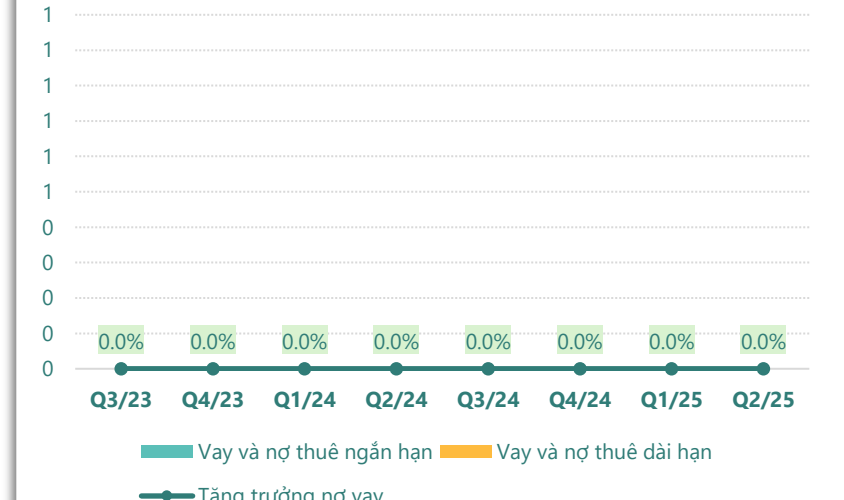
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

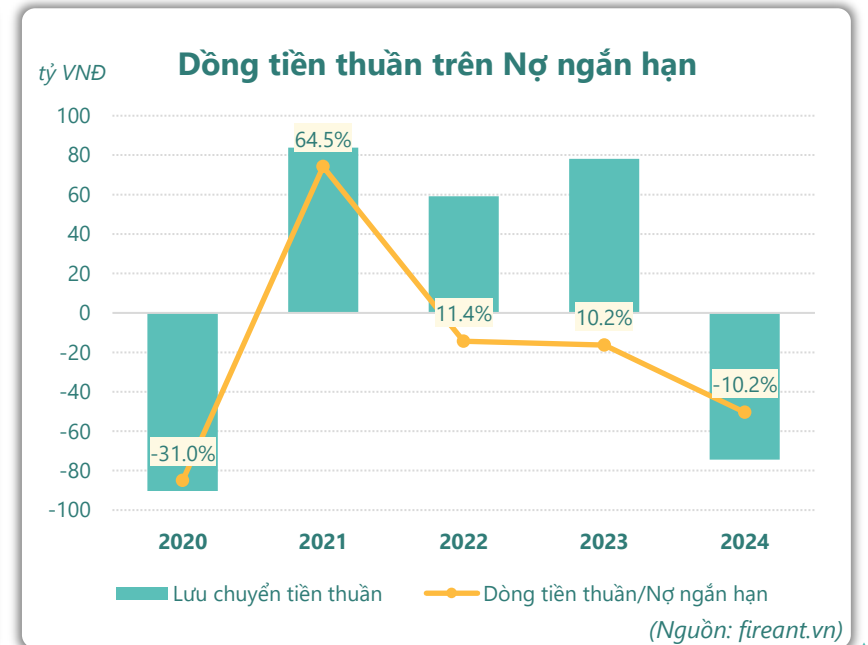
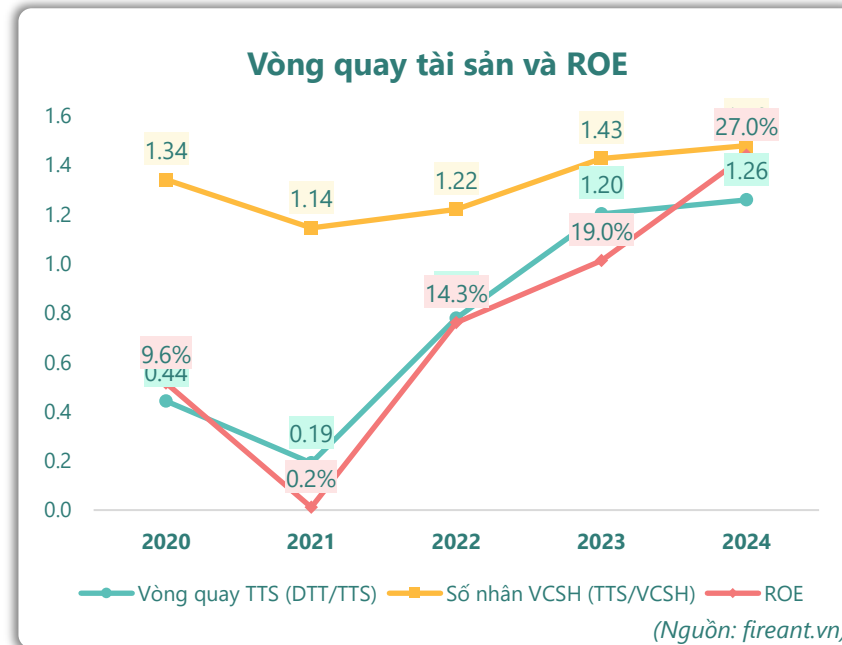
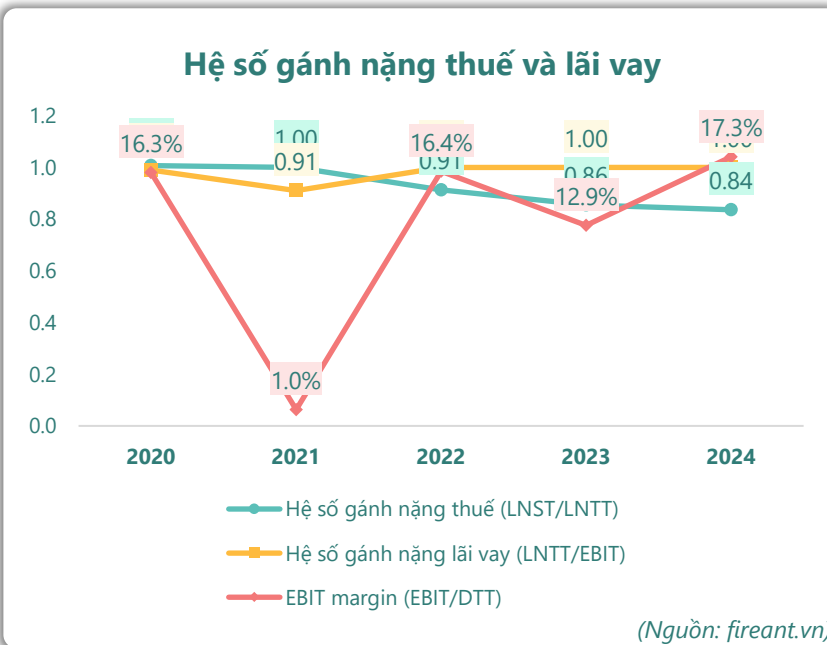
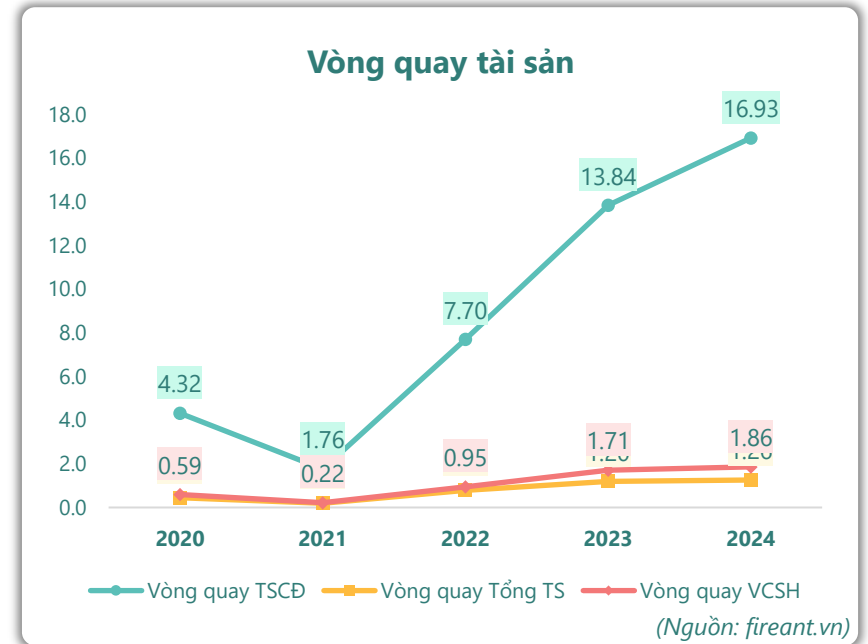
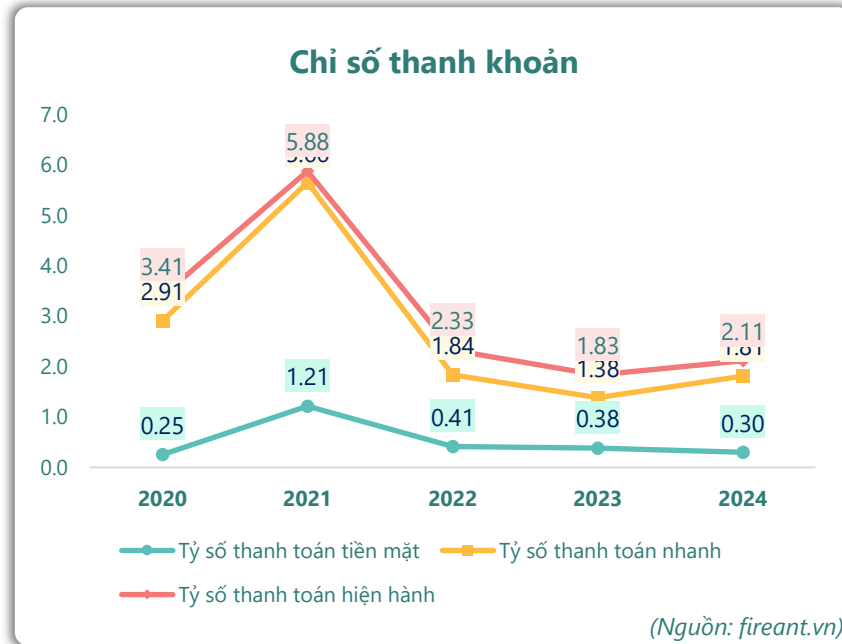
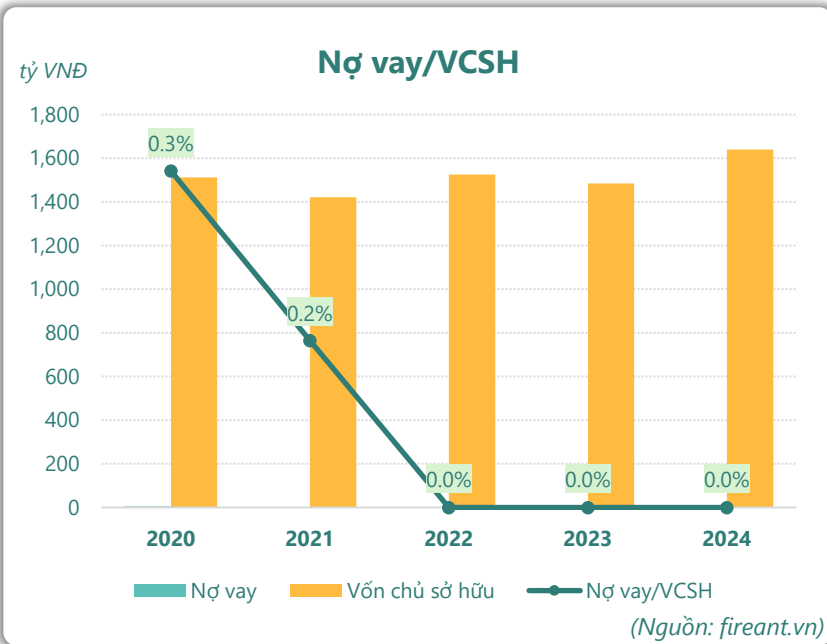
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	770	654	17.8%	1,534	1,335	14.9%
Giá vốn hàng bán	312	284	9.9%	614	602	2.1%
Lợi nhuận gộp	458	370	23.8%	920	733	25.5%
Doanh thu HĐTC	22.5	34.8	-35.3%	39.6	39.5	0.1%
Chi phí TC	3.07	15.7	-80.4%	8.37	16.2	-48.5%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	265	227	17.0%	518	467	11.1%
Chi phí QLDN	79.8	81.2	-1.7%	164	153	6.7%
LN thuần từ HĐKD	132	81.6	62.1%	269	137	97.4%
Lợi nhuận khác	3.93	2.33	68.6%	8.31	3.68	126%
LN trước thuế	136	83.9	62.3%	278	140	98.1%
Lợi nhuận sau thuế	108	67.5	60.7%	221	114	94.9%
LNST của CĐ cty mẹ	108	67.5	60.7%	221	114	94.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.85	59.4	36.5	82.4	256	48.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-56.3	83.6	34.2	-54.1	30.7	-84.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.05	-0.06	-216	-46.4	-0.15	-0.09
Tiền đầu kỳ	292	232	387	234	217	504
Lưu chuyển tiền thuần	-53.5	143	-146	-18.1	286	-36.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-6.05	11.7	-7.33	1.64	0.42	1.74
Tiền cuối kỳ	232	387	234	217	504	470

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,603	2,370	9.9%
Tài sản ngắn hạn	1,748	1,539	13.6%
Tiền và tương đương tiền	470	217	116%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	636	537	18.3%
Phải thu ngắn hạn	195	404	-51.6%
Hàng tồn kho	255	220	16.3%
Tài sản ngắn hạn khác	192	161	19.1%
Tài sản dài hạn	855	830	3.0%
Phải thu dài hạn	247	245	0.7%
Tài sản cố định	177	165	7.7%
Bất động sản đầu tư	32.2	32.2	0.0%
Tài sản dở dang	117	108	8.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	254	255	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	28.0	26.2	7.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	743	730	1.7%
Nợ ngắn hạn	740	728	1.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	420	392	7.0%
Nợ dài hạn	2.72	2.16	26.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,861	1,640	13.5%
Vốn chủ sở hữu	1,861	1,640	13.5%
Vốn điều lệ	1,335	1,335	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

